

Số: 120/2017/QĐST-HNGĐ

Đức Huệ, ngày 09 tháng 10 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số 154/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2017 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu T - Sinh năm 1973 - Địa chỉ: Số 9 tổ 1, ấp Bình Nguyên 1, xã G, huyện B, tỉnh T.

- Bị đơn: Ông Võ Văn N - Sinh năm 1978 - Địa chỉ: Ấp 1, xã M, huyện Đ, tỉnh L.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 9 năm 2017.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 9 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Thu T - Sinh năm 1973 - Địa chỉ: Số 9 tổ 1, ấp Bình Nguyên 1, xã G, huyện B, tỉnh T và ông Võ Văn N - Sinh năm 1978 - Địa chỉ: Ấp 1, xã M, huyện Đ, tỉnh L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị Thu T và ông Võ Văn N thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung: Bà Trần Thị Thu T được quyền trực tiếp nuôi Võ Quỳnh A, sinh ngày 02/01/2015, hiện con chung đang sống với bà T. Ông Võ Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông N được quyền tới lui thăm nom và chăm sóc con chung. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, ông N và bà T có quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con và yêu cầu khoản cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Trần Thị Thu T và ông Võ Văn N mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ

thẩm (biên lai thu số 0007993 ngày 20/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ). Bà T tự nguyện nộp thay phần án phí của ông N. Sau khi khấu trừ tiền án phí của bà T và ông N, trả lại cho bà T 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ;
- Các đương sự;
- UBND xã Gia Bình, huyện Trảng Bàng (*ghi số hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ, án văn.

(Đã ký)

Trần Thị Bích Liên